

Bản án số: 61/2018/LĐ-ST
Ngày 06-8-2018
V/v tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã
hội và trợ cấp thôi việc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng – Nguyên là Cán bộ Liên đoàn Lao động quận
Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Võ Thành Viên – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân quận
Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí
Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
39/2018/TLST-LĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp về tiền lương,
và bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
237/2018/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên
tòa số: 235/2018/QĐST-LĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ, sinh năm: 1985; địa chỉ
thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Long An; địa chỉ tạm trú: Đường A, Phường
B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H
Phú; địa chỉ: Đường D, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bang Tae S, sinh năm: 1960;
địa chỉ: Đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại
diện theo pháp luật của bị đơn – chức danh: Giám đốc (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội quận G; địa
chỉ: Đường J, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Trần Đăng K, sinh năm: 1974; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 425/GUQ-BHXX ngày 24 tháng 4 năm 2018) (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau:

Nguyên đơn bắt đầu làm việc từ tháng 9/2005 có ký hợp đồng lao động với bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H (trước đây là Doanh nghiệp tư nhân H) với công việc là nhân viên văn phòng. Hợp đồng lao động lần 1 là loại hợp đồng có thời hạn nhưng bà không nhớ thời hạn bao lâu. Sau đó, bà tiếp tục ký hợp đồng lao động lần thứ 2 là loại hợp đồng không xác định thời hạn và đã làm việc liên tục đến ngày 13/02/2018 thì nghỉ tết. Bà không còn giữ các bản hợp đồng này. Bà làm việc liên tục tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đến tháng 02/2018. Ngày 05/3/2018, bà được biết bị đơn không còn hoạt động. Bị đơn chấm dứt hoạt động nhưng chưa thanh toán tiền lương tháng 02/2018 và giải quyết các chế độ có liên quan cho người lao động, mức lương thực lãnh hiện nay của bà là 9.435.625 đồng/tháng. Nguyên đơn xác nhận đã nhận Sổ bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, bị đơn chỉ đóng Bảo hiểm xã hội cho bà đến tháng 8/2017.

Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H thanh toán cho bà các khoản tiền như sau:

- Thanh toán ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018 là 4.717.000 đồng theo mức lương thực lãnh là 9.435.625 đồng/tháng).
- Tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 9/2005 đến tháng 12/2008 (thời gian tính là 03 năm) số tiền là 8.062.500 đồng (tính theo mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 5.375.000 đồng).
- Có nghĩa vụ đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 theo quy định của pháp luật (tính theo mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 5.375.000 đồng).

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội quận G do ông Trần Đăng K là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đăng ký tham gia Bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn đến tháng 02/2018. Tuy nhiên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H chỉ trích nộp quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho nguyên đơn đến tháng 08/2017, còn nợ quỹ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với số tiền là: 10.320.000 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H, Bảo hiểm xã hội quận G thống nhất ý kiến của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm nộp số tiền còn nợ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp của nguyên đơn là: 10.320.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm trả cho bà ½ tháng tiền lương của tháng 02/2018, tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian bà làm việc tại công ty từ tháng 9/2005 đến tháng 12/2008 và đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho bà từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về tiền lương và bảo hiểm xã hội”. Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H thì cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp thôi việc”. Do bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trụ sở tại Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về điều kiện và thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ biên bản hòa giải cơ sở ngày 27/3/2018, đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2018, nguyên đơn có đủ điều kiện nộp đơn khởi kiện và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 201, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đăng K (người đại diện theo ủy quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Trần Đăng K và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về yêu cầu trợ cấp thôi việc thời gian từ tháng 9/2005 đến tháng 12/2008 với số tiền là 8.062.500 đồng:

Căn cứ vào bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Ngọc H và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng lao động từ tháng 9/2005, loại hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 16, Điều 22 và Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012. Mức lương đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Ngọc H là 5.375.000 đồng/tháng.

Ngày 05/3/2018, sau khi đi làm trở lại thì bà H được biết bị đơn đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ đó đến nay, không trả lương và giải quyết chế độ cho người lao động. Điều này phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là bị đơn không còn hoạt động. Xét thấy có đủ cơ sở xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái

pháp luật với bà Nguyễn Thị Ngọc H. Do đó, nguyên đơn có quyền yêu cầu thanh toán tiền trợ cấp thôi việc theo quy định của Điều 41, Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012.

Căn cứ khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012 thì thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc cho bà H là: 03 năm 04 tháng. Bà Huệ yêu cầu tính thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là 03 năm, tính theo mức lương đóng bảo hiểm xã hội là 5.375.000 đồng/tháng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 42 và Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2012, yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc thời gian từ tháng 9/2005 đến tháng 12/2008 với số tiền là: $5.375.000 \text{ đồng} \times 3 \times \frac{1}{2} = 8.062.500 \text{ đồng}$ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương của tháng 02/2018 là 4.717.000 đồng:

Theo trình bày của nguyên đơn thì tháng 02/2018 bà vẫn làm việc từ ngày 01 đến ngày 13, trong đó có 02 ngày chủ nhật nghỉ. Như vậy trong tháng 02/2018 bà H đã làm việc 11 ngày (13 ngày - 02 ngày nghỉ hàng tuần). Tuy nhiên từ ngày 14/02/2018 (29/12 âm lịch) là thời gian nghỉ tết âm lịch. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 115 Bộ luật Lao động thì:

“1. Người lao động được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết sau đây: ...b) tết âm lịch 05 ngày;”

Như vậy trong tháng 02/2018 bà H làm việc 11 ngày và 05 ngày nghỉ tết hưởng nguyên lương, tổng cộng là 16 ngày. Tuy nhiên bà chỉ yêu cầu trả cho bà $\frac{1}{2}$ tháng lương là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Căn cứ bảng lương hàng tháng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H trong 06 tháng liền kề trước khi bà H nghỉ việc (từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018) thể hiện mức lương thực tế hàng tháng của bà H sau khi trừ bảo hiểm xã hội là 9.435.625 đồng. Mặt khác, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không lý do cũng như không có văn bản phản đối những tình tiết do nguyên đơn đưa ra. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, tình tiết, sự kiện nguyên đơn cung cấp là chứng cứ hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương của tháng 02/2018 là: $9.435.625 \text{ đồng} : 2 = 4.717.000 \text{ đồng}$.

[4.3] Về yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm

tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN, gọi chung là BHXH) cho bà từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với số tiền là 10.320.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo bảng lương từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đều thể hiện có trừ tiền BHXH của người lao động. Tuy nhiên, đối chiếu với Sổ bảo hiểm xã hội số 0205218975 của bà Nguyễn Thị Ngọc H thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H mới đóng BHXH cho bà đến tháng 8/2017, điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp cung cấp và xác nhận phía bị đơn còn nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp của bà H từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với số tiền là 10.320.000 đồng.

Căn cứ các Điều 17, Điều 18 và Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, bị đơn phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho người lao động. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H đóng tiền Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 với số tiền là 10.320.000 đồng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải chịu 692.985 (Sáu trăm chín mươi hai ngàn chín trăm tám mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 7; Điều 16; Điều 22; Điều 23; Điều 41; Điều 42; Điều 48; Điều 90; Điều 115; Điều 200; Điều 201; Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

- Điều 17; Điều 18; Điều 21; Điều 85; Điều 86; Điều 89 và Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Điều 146; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H:

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H $\frac{1}{2}$ tiền lương tháng 02/2018 là 4.717.000 đồng và tiền trợ cấp thôi việc là 8.062.500 đồng, tổng cộng là 12.779.500 (Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn năm trăm) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2018 của bà Nguyễn Thị Ngọc H là 10.320.000 đồng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H nộp số tiền 10.320.000 đồng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận G thì bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền trực tiếp liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp để xác nhận quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp nêu trên thì ngoài số tiền chưa đóng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H còn phải chịu tiền lãi bằng hai lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền và thời gian chậm đóng theo quy định của Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về lao động là 692.985 (Sáu trăm chín mươi hai ngàn chín trăm tám mươi lăm) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Xuất nhập khẩu H và Bảo hiểm xã hội quận G được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THA DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai